

THỐNG KÊ TỈNH QUẢNG NGÃI  
THỐNG KÊ CƠ SỞ BA TƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 83/TKCS

*Ba Tơ, ngày 11 tháng 9 năm 2025*

V/v lập danh sách thôn, tổ dân phố  
và địa bàn điều tra chuẩn bị Tổng điều  
tra kinh tế năm 2026

Kính gửi: UBND các xã: Ba Tơ, Ba Động, Ba Vinh, Ba Dinh,  
Ba Tô, Ba Vì, Ba Xa, Đặng Thùy Trâm.

Căn cứ Quyết định số 2837/QĐ-BTC ngày 18 tháng 8 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về tổ chức Tổng điều tra kinh tế năm 2026; Quyết định số 3100/QĐ-BTC ngày 04 tháng 9 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Phương án Tổng điều tra kinh tế năm 2026 (TĐTKT 2026);

Thực hiện Công văn số 1822/CTK-ĐTTK ngày 05 tháng 9 năm 2025 của Cục Thống kê về việc lập danh sách thôn, tổ dân phố và địa bàn điều tra chuẩn bị Tổng điều tra kinh tế năm 2026; Công văn số 306/TKT-DVG và Công văn số 310/TKT-DVG ngày 08/9/2025 của Thống kê tỉnh Quảng Ngãi về việc lập danh sách thôn, tổ dân phố và địa bàn điều tra chuẩn bị tổng điều tra kinh tế năm 2026.

Để chuẩn bị công tác thu thập thông tin lập bảng kê cơ sở sản xuất kinh doanh (SXKD) cá thể trong TĐTKT 2026, Thống kê cơ sở Ba Tơ đề nghị Ủy ban nhân dân các xã triển khai lập danh sách thôn, tổ dân phố, và địa bàn điều tra theo hướng dẫn kèm theo.

**Thời hạn hoàn thành:**

- Lập danh sách thôn, tổ dân phố: Trước ngày 18/9/2025.
- Lập danh sách địa bàn điều tra: Trước ngày 26/9/2025.

Trong quá trình triển khai thực hiện nếu cần trao đổi, Ủy ban nhân dân xã liên hệ với Thống kê cơ sở Ba Tơ (Đ/c Phạm Văn Phúc, Bộ phận thu thập thông tin, ĐT:0344.050.303) để thực hiện.

Thống kê cơ sở Ba Tư đề nghị Ủy ban nhân dân các xã quan tâm thực hiện đề công tác lập bảng kê cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể trong TĐTKT 2026 đạt chất lượng, yêu cầu và đúng thời gian quy định./.

***Nơi nhận:***

- Như trên;
- Lãnh đạo Thống kê tỉnh;
- Phòng TK DVG, CNXD, TH;
- Lưu VT.

**TRƯỞNG THỐNG KÊ CƠ SỞ**

**Cao Văn Đào**

# **HƯỚNG DẪN**

## **LẬP DANH SÁCH THÔN, TỔ DÂN PHỐ VÀ ĐỊA BÀN ĐIỀU TRA**

### **1. Hướng dẫn lập danh sách thôn, tổ dân phố**

Ủy ban nhân dân (UBND) xã; phường; đặc khu thuộc tỉnh (gọi chung là xã) rà soát và lập danh sách tất cả các thôn, tổ dân phố theo Mẫu số 01/TĐTKT THON.

Danh sách thôn, tổ dân phố gồm các thông tin: Thông tin định danh (tỉnh, xã); tên và mã của từng thôn, tổ dân phố (đánh mã từ 001 đến hết thôn, tổ dân phố trong xã); số hộ, số người, số chợ, trung tâm thương mại (TTTM), số cơ sở SXKD cá thể của từng thôn, tổ dân phố.

UBND xã bàn giao danh sách thôn, tổ dân phố cho Thống kê cơ sở Ba Tơ.

Thống kê cơ sở cập nhật danh sách thôn, tổ dân phố theo từng xã lên trang Web điều hành tác nghiệp tại địa chỉ: <https://tdtkinhhte2026.nso.gov.vn>.

Thống kê tỉnh kiểm tra và duyệt danh sách thôn, tổ dân phố.

### **2. Hướng dẫn lập danh sách địa bàn điều tra**

Trên cơ sở danh sách các thôn, tổ dân phố đã được lập tại Mục 1, UBND xã thực hiện rà soát số lượng cơ sở SXKD cá thể trong thôn, tổ dân phố và lập danh sách địa bàn điều tra (ĐBĐT) của xã, cụ thể như sau:

- Mỗi thôn, tổ dân phố là 01 ĐBĐT. Không ghép các thôn, tổ dân phố thành 01 ĐBĐT. Đối với các thôn, tổ dân phố có số lượng cơ sở lớn, có thể chia thành nhiều ĐBĐT, trung bình khoảng 200 cơ sở/ĐBĐT.

- Trường hợp trong thôn, tổ dân phố có tòa nhà/trung tâm thương mại/chợ có số lượng cơ sở lớn, xác định tòa nhà/trung tâm thương mại/chợ đó là 01 hoặc nhiều ĐBĐT, phần còn lại của thôn, tổ dân phố đó là ĐBĐT khác. Trung bình khoảng 200 cơ sở/ĐBĐT.

- Trường hợp các tòa nhà/chợ/trung tâm thương mại thuộc nhiều thôn, tổ dân phố khác nhau, xác định các tòa nhà/chợ/trung tâm thương mại này là 01 ĐBĐT thuộc thôn, tổ dân phố có phần diện tích tòa nhà/chợ/trung tâm thương mại lớn hơn, phần còn lại của mỗi thôn, tổ dân phố được xác định là các ĐBĐT khác nhau (trường hợp số lượng cơ sở còn lại lớn hơn 200 có thể tách thành các ĐBĐT khác nhau, trung bình khoảng 200 cơ sở/ĐBĐT).

- UBND xã lập danh sách ĐBĐT của xã bao gồm các thông tin: Thông tin định danh (tỉnh, xã); mã thôn, tên thôn, tên ĐBĐT, mã ĐBĐT (đánh từ 001 đến hết địa bàn cuối cùng của xã theo trật tự địa lý), tổng số cơ sở SXKD cá thể của từng ĐBĐT theo Mẫu số 02/TĐTKT-ĐBĐT.

- UBND xã bàn giao danh sách ĐBĐT cho Thống kê cơ sở Ba Tơ.

- Thống kê cơ sở cập nhật danh sách địa bàn lên trang Web điều hành tác nghiệp.

- Thống kê tình kiểm tra và duyệt danh sách ĐBĐT.

### **3. Quy định về nhận diện cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể**

Cơ sở SXKD cá thể (bao gồm cả các cơ sở kinh doanh trực tuyến - online) được xác định theo các tiêu chí sau:

- Là nơi trực tiếp diễn ra hoạt động SXKD, cung cấp dịch vụ trong tất cả các ngành kinh tế quốc dân (trừ ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản);

- Thuộc sở hữu của một người, một nhóm người hoặc một gia đình, chưa đăng ký hoạt động theo loại hình doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp, tổ hợp tác;

- Có địa điểm xác định trên lãnh thổ Việt Nam;

- Thời gian hoạt động thường xuyên, liên tục hoặc định kỳ theo mùa vụ, tập quán kinh doanh (tổng thời gian hoạt động ít nhất là 03 tháng/năm hoặc doanh thu đạt từ 100 triệu trở lên/năm).

### **3. Các trường hợp sau đây không được xác định là cơ sở SXKD cá thể:**

- Cơ sở cá thể hoạt động vận chuyển qua ứng dụng công nghệ. - Đại lý bán vé số và cá nhân bán vé số dạo.

### **4. Quy định về nhận diện chợ**

Tiêu chí về các loại chợ được quy định tại Nghị định số 60/2024/NĐ-CP ngày 05/6/2024 của Chính phủ về phát triển và quản lý chợ.

TỔNG ĐIỀU TRA KINH TẾ NĂM 2026  
DANH SÁCH THÔN, TỔ DÂN PHỐ

Tỉnh, thành phố:

Mã tỉnh, thành phố:

| STT | Tên xã | Mã xã | Tên thôn, tổ dân phố | Mã thôn, tổ dân phố | Số hộ của thôn, tổ dân phố | Số người của thôn, tổ dân phố | Số chợ, TTTM của thôn, tổ dân phố | Số cơ sở SKXD cá thể của thôn, tổ dân phố | Ghi chú |
|-----|--------|-------|----------------------|---------------------|----------------------------|-------------------------------|-----------------------------------|-------------------------------------------|---------|
| (1) | (2)    | (3)   | (4)                  | (5)                 | (6)                        | (7)                           | (8)                               | (9)                                       | (10)    |
| 1   |        |       |                      |                     |                            |                               |                                   |                                           |         |
| 2   |        |       |                      |                     |                            |                               |                                   |                                           |         |
| 3   |        |       |                      |                     |                            |                               |                                   |                                           |         |
| ... |        |       |                      |                     |                            |                               |                                   |                                           |         |

Hướng dẫn ghi biểu:

Các thôn, tổ dân phố được lập danh sách theo thứ tự vị trí địa lý, từ đầu xã đến cuối xã hoặc theo trật tự bắc, nam, đông, tây. Mỗi thôn, tổ dân phố lập trên 1 dòng.

Cột 1: Số thứ tự được đánh số từ 1 đến hết.

Cột 2 và Cột 3: Tên và mã định danh theo Danh mục hành chính (Ví dụ: Mã xã 00031).

Cột 4: Ghi tên thôn, tổ dân phố theo trật tự địa lý trong phạm vi xã.

Cột 5: Mã thôn, tổ dân phố ghi theo thứ tự từ 001 đến hết các thôn, tổ dân phố trong một xã; bảo đảm mỗi thôn, tổ dân phố chỉ có một mã duy nhất (Ví dụ xã A có 30 thôn được đánh mã thôn từ 001 đến 030, xã B có 120 thôn được đánh mã thôn từ 001 đến 120). Cột 6: Ghi tổng số hộ của thôn, tổ dân phố.

Cột 7: Ghi tổng số người hiện đang sinh sống tại thôn, tổ dân phố.

Cột 8: Ghi số chợ, trung tâm thương mại tại thôn, tổ dân phố.

Cột 9: Ghi tổng số cơ sở SXKD cá thể của thôn, tổ dân phố theo quản lý hành chính trên địa bàn.

Cột 10: Ghi chú các nội dung (nếu cần).

TỔNG ĐIỀU TRA KINH TẾ NĂM 2026  
DANH SÁCH ĐỊA BÀN ĐIỀU TRA

Tỉnh, thành phố:

Mã tỉnh, thành phố:

| STT | Tên xã | Mã xã | Tên thôn, tổ dân phố | Mã thôn, tổ dân phố | Tên ĐBĐT | Mã ĐBĐT | Số cơ sở SXKD cá thể của ĐBĐT | Ghi chú |
|-----|--------|-------|----------------------|---------------------|----------|---------|-------------------------------|---------|
| (1) | (2)    | (3)   | (4)                  | (5)                 | (6)      | (7)     | (8)                           | (9)     |
| 1   |        |       |                      |                     |          |         |                               |         |
| 2   |        |       |                      |                     |          |         |                               |         |
| 3   |        |       |                      |                     |          |         |                               |         |
| 4   |        |       |                      |                     |          |         |                               |         |
| 5   |        |       |                      |                     |          |         |                               |         |
| ... |        |       |                      |                     |          |         |                               |         |

Hướng dẫn ghi biểu:

ĐBĐT được lập danh sách theo từng xã. Mỗi ĐBĐT chỉ được lập trên 1 dòng.

Cột 1: Số thứ tự được đánh số từ 1 đến hết.

Cột 2 và Cột 3: Tên và mã định danh theo Danh mục hành chính (Ví dụ: Mã xã 00031).

Cột 4 và Cột 5: Tên và mã thôn, tổ dân phố theo Danh sách thôn, tổ dân phố đã được lập tại Mẫu số 01/TĐTKT-THON. Cột 6: Ghi chi tiết, cụ thể tên của ĐBĐT (Thôn, tổ dân phố) nhằm xác định phạm vi ranh giới của ĐBĐT. Nếu là ĐBĐT được tách từ thôn, tổ dân phố thì ghi rõ các khu vực hoặc các số nhà thuộc địa ĐBĐT, hoặc ghi theo ranh giới địa bàn

(Ví dụ: Thôn A có một khu chợ Đình và được tách thành 2 ĐBĐT thì ghi tên 2 ĐBĐT như sau: ĐBĐT thứ nhất ghi tên là “Chợ Đình, Thôn A) và “ĐBĐT thứ 2 ghi tên là “Thôn A (không bao gồm chợ Đình)”.

Cột 7: Mã ĐBĐT được đánh theo số thứ tự từ 001 đến địa bàn điều tra cuối cùng trong xã; đảm bảo mỗi ĐBĐT trong xã chỉ có một mã duy nhất, không được trùng mã ĐBĐT trong 1 xã. (Ví dụ xã A có 120 ĐBĐT được đánh mã từ 001 đến 120, xã B có 55 ĐBĐT được đánh mã từ 001 đến 055). Đối với các ĐBĐT được tách từ thôn, tổ dân phố: Trường hợp này mã của một thôn sẽ xuất hiện nhiều hơn 1 dòng ở danh sách này.

Cột 8: Ghi số cơ sở SXKD cá thể của ĐBĐT.

Cột 9: Ghi chú các nội dung (nếu cần).

